BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2277 /QĐ-BNN-VPĐP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương Đề án "Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm" giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030 và bộ công cụ điều tra, khảo sát

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-BNN-VPĐP ngày 12 tháng 5 năm 2017 cảu Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng - Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương Đề án "Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm" giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) và bộ công cụ điều tra, khảo sát phục vụ xây dựng Đề án (*đính kèm theo Quyết định này*).

Phạm vi thực hiện: 63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Điều 2. Căn cứ Đề cương Đề án và bộ công cụ điều tra, khảo sát, Ban soạn thảo Đề án (thành lập theo Quyết định số 1430/QĐ-BNN-VPĐP ngày 17/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) có trách

nhiệm xây dựng, hoàn thiện Đề án, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng - Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, VPĐP. (90b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Thanh Nam

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM, GIAI ĐOẠN 2017-2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 2277...../QĐ-BNN-VPĐP ngày ....05./ 6/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Một số từ viết tắt

OVOP	One Village One Product: Mỗi làng một sản phẩm
OTOP	One Tambon One Product: Mỗi cộng đồng (xã, thị trấn) một sản phẩm
OCOP	One Commune One Product: Mỗi xã, phường một sản phẩm
MLMN	Mỗi làng một nghề
SMEs	Small and medium enterprises: Doanh nghiệp nhỏ và vừa
HTX	Hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Chương trình:

Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tên tiếng Anh " One commune one product", viết tắt là OCOP.

Không sử dụng từ viết tắt bằng tiếng Việt để hoà chung phong trào OVOP quốc tế.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phạm vi và địa bàn thực hiện: Trong phạm vi quốc gia.

Lựa chọn đơn vị "xã" để thực hiện, vì: (1) Gắn với đối tượng "xã nông thôn mới" trong chương trình xây dựng nông thôn mới; (2) Gắn với hệ thống chính quyền cấp xã thực hiện trực tiếp.

4. Giải nghĩa "Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm"

- Xã: Một xã, hoặc nhiều xã, liên xã, liên huyện sản xuất một hoặc nhiều sản phẩm. Xã là đơn vị cấp xã, khuyến khích thực hiện Chương trình cả ở khu vực đô thị (phường, thị trấn).

- Sản phẩm: sản phẩm hàng hoá và sản phẩm dịch vụ

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

I. TÌNH HÌNH NÔNG THÔN VIỆT NAM SAU 06 NĂM (2010-2016) TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Tổng hợp những vấn đề cơ bản về khu vực nông thôn Việt Nam đến hết năm 2016 (tổng hợp theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016)

Khu vực nông thôn Việt Nam có vai trò quan trọng trong phát triển đất nước, là khu vực giữ sự cân bằng về hệ sinh thái và xã hội, là nơi sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, nơi có các nghề thủ công truyền thống, nơi có nguồn lực lao động ban đầu - vốn quí trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo thống kê, đến cuối năm 2015, dân số khu vực nông thôn Việt Nam là 60,25 triệu người, chiếm 65,7% dân số cả nước. Lao động từ 15 tuổi trở lên khu vực nông thôn chiếm 68,8% lao động cả nước.

2. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2015 và năm 2016

- Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản đến thời điểm 01/7/2016, trong số 8.978 xã của cả nước, có 8.911 xã được đưa vào danh sách theo dõi, đánh giá các tiêu chí NTM (67 xã còn lại thuộc diện quy hoạch đô thị nên không có trong danh sách xã thực hiện xây dựng NTM), có 2.578 xã đạt chuẩn NTM, chiếm 28,9% tổng số xã thực hiện xây dựng NTM.

- Phân tích tình hình phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới đang triển khai hiện nay đã mở ra hướng phát triển kinh tế đa dạng dựa vào lợi thế từ mỗi địa phương theo hướng tăng giá trị gia tăng. Tuy nhiên, sau 5 năm thực hiện (2010 -2015), sự chuyển biến phát triển kinh tế khu vực nông thôn còn chậm, do việc xác định sản phẩm lợi thế (trong từng lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, và cả dịch vụ), cũng như công tác xúc tiến thương mại còn hạn chế, mô hình sản xuất kinh tế hộ còn chiếm tỷ lệ cao, mô hình sản xuất tiên tiến (doanh nghiệp, hợp tác xã) còn hạn chế cả số lượng và chất lượng, tỷ lệ lao động qua đào tạo (theo sản phẩm lợi thế) và năng suất lao động khu vực nông thôn đạt thấp; công tác QLNN còn yếu về định hướng quy hoạch sản xuất, cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, kết nối thị trường, chất lượng đội ngũ cán bộ,... Rất nhiều chương trình, dự án hỗ trợ cho phát triển sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ bên ngoài, thiếu sự liên kết giữa các nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nông dân, chưa tận dụng hết tài nguyên trong khu vực (nguyên liệu, lao động, văn hóa,.); người dân chưa chú trọng phát triển sản phẩm truyền thống có lợi thế; nhiều dự án khi rút đi, nông dân chưa đủ điều kiện (về trình độ, về năng lực tài chính) để tiếp cận và làm chủ và phát triển tiếp.

Sự chuyển biến phát triển kinh tế chậm, không đồng đều, cùng các vấn đề về ô nhiễm môi trường, sự dịch chuyển lao động trẻ có trình độ từ nông thôn ra

thành thị, làm ảnh hưởng chung đến sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, cũng như tiến trình xây dựng nông thôn mới hiện nay.

- Bài học về phát triển nông thôn nội sinh của các quốc gia tiên tiến

Kinh nghiệm các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc,... khi xây dựng, triển khai chiến lược phát triển kinh tế đất nước nói chung, đã rất chú ý đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn theo hướng nội sinh, chú trọng các nguồn lực sẵn có làm động lực phát triển (đất đai, tài nguyên, điều kiện địa lý, lòng tự hào, khả năng sáng tạo,...). Điển hình là mô hình phát triển kinh tế khu vực nông thôn – Phong trào "Mỗi làng, một sản phẩm" của Nhật Bản vào những năm 1970. Sau khi đánh giá 20 năm thực hiện phong trào OVOP (1979 – 1999), cơ sở lý luận về phát triển nông thôn nội sinh càng được khẳng định, minh chứng rõ nét.

3. Yêu cầu nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Với tinh thần, chủ trương cả một quốc gia khởi nghiệp theo phát động của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, cần có sự khởi nghiệp của cả đội ngũ nông dân đông đảo hiện nay, nhưng cần có sự tổ chức khoa học với sự chỉ đạo, hỗ trợ, dẫn dắt của Nhà nước để nông dân đứng trong tổ chức kinh tế của chính họ (là các doanh nghiệp, các hợp tác xã), để nông dân thực sự làm chủ, phát huy sự chủ động, sáng tạo trong phát triển kinh tế từ những lợi thế của mỗi địa phương trong cả nước.

Ngày 02/3/2017, tại Hội nghị "Phát triển Mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp" được tổ chức tại tỉnh Quảng Ninh, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã có chỉ đạo triển khai chương trình Mỗi xã một sản phẩm trong phạm vi toàn quốc, nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, đồng thời thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Từ những thực tiễn nêu trên cho thấy sự cần thiết phải triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên phạm vi toàn quốc.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010, trong đó, đưa ra nội dung phát triển "Mỗi làng, xã một sản phẩm", tuy nhiên, nhiều năm qua, trong quá trình xây dựng nông thôn mới, chưa triển khai hiện thực hóa rộng rãi nội dung này;

- Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Phần thứ hai
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ KHU VỰC NÔNG THÔN THÔNG QUA PHONG TRÀO "MỖI LÀNG MỘT SẢN PHẨM" VÀ TRIỂN KHAI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2016

I. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phong trào Mỗi làng một sản phẩm OVOP của Nhật Bản (*trong Phụ lục 1 kèm theo*)

2. Chương trình Mỗi cộng đồng một sản phẩm OTOP của Thái Lan

II. VẬN DỤNG VÀ THỰC HIỆN PHONG TRÀO MỖI LÀNG MỘT SẢN PHẨM TẠI VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2005 - 2016

1. Kết quả thực hiện Đề án "Mỗi làng một nghề" (MLMN) giai đoạn 2005-2016 tại Việt Nam sau 10 năm thực hiện Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Kết quả và bài học kinh nghiệm thực tiễn từ Chương trình Mỗi xã, phường một sản phẩm, giai đoạn 2013 – 2016 của tỉnh Quảng Ninh (*trong Phụ lục 2 kèm theo*).

3. Hiện trạng về sản phẩm nông nghiệp lợi thế và các sản phẩm đặc sản của từng địa phương (Theo kết quả điều tra toàn quốc tháng 6-7/2017)

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

IV. THÔNG TIN DỰ BÁO, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

Yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm thủ công trong bối cảnh toàn cầu hoá và việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Phần thứ ba
MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí "Kinh tế và tổ chức sản xuất" trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, mang tính đặc trưng, lợi thế của mỗi vùng, miền, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo hướng gia tăng lợi ích cho cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH OCOP

1. Phạm vi thực hiện

- Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn, là nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Lấy địa bàn khu vực nông thôn, cụ thể là cấp xã làm đơn vị tổ chức thực hiện, khuyến khích thực hiện Chương trình cả ở khu vực đô thị (phường, thị trấn).

2. Đối tượng thực hiện, bao gồm

a. Sản phẩm

Gồm sản phẩm (hàng hoá) và sản phẩm dịch vụ có nguồn gốc từ địa phương, hoặc được thuần hóa, đặc biệt là đặc sản vùng, miền, trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh về điều kiện sinh thái, nguồn gen, tri thức và công nghệ địa phương.

b. Chủ thể thực hiện

Lấy chủ thể kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể làm nòng cốt, cụ thể là các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm nòng cốt cùng với Tổ hợp tác, hộ sản xuất.

3. Nguyên tắc thực hiện: Tuân thủ 3 nguyên tắc của OVOP:

1) Hành động địa phương hướng đến toàn cầu

2) Tự lực, tự tin và sáng tạo

3) Đào tạo nguồn nhân lực

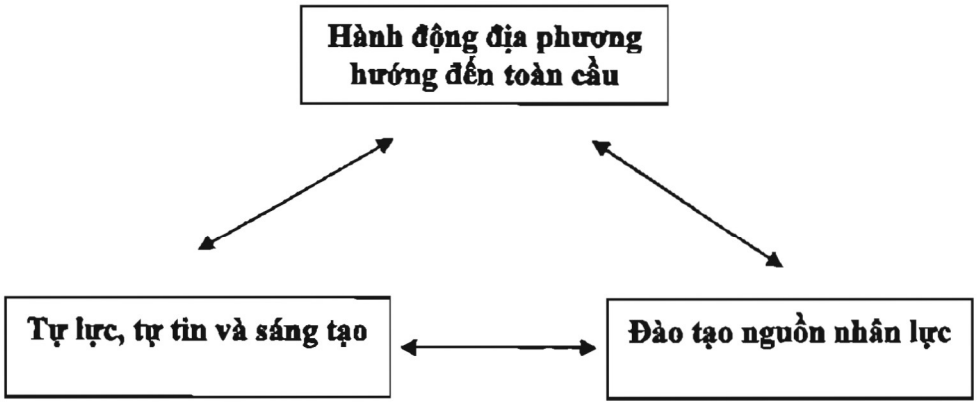

- Hành động địa phương hướng đến toàn cầu: Sản phẩm được chấp nhận ở cấp độ toàn cầu phản ánh niềm tự hào của văn hóa địa phương, đây là điểm mạnh để cạnh tranh. Để gia nhập vào thị trường thế giới, các sản phẩm cần được cải tiến, thiết kế lại cho phù hợp thị hiếu của người tiêu dùng. Do vậy, luôn yêu cầu cải tiến các công nghệ truyền thống để tạo ra các sản phẩm được thị trường thế giới chấp nhận.

- Tự lực, tự tin và sáng tạo: Khi tự lực, tự tin và sáng tạo, người dân sẽ có cách hành động phù hợp trong lựa chọn sản phẩm của địa phương mình và tổ chức sản xuất chúng một cách hiệu quả nhất. Nói cách khác, chính sự độc lập lại kích thích tính sáng tạo phát triển một cách tối đa trong cộng đồng dân cư khi tham gia Chương trình.

- Nguồn nhân lực, đặc biệt là lớp trẻ, là chìa khoá quan trọng để phát triển nông thôn. Khi lớp trẻ địa phương có động lực, được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết, thì việc phát triển nông thôn của khu vực đó sẽ đem lại hiệu quả.

Phần thứ tư
NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHU TRÌNH OCOP

Chu trình OCOP được thực hiện theo 06 bước (theo sơ đồ), Ban hành kèm theo Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chu trình OCO.P

(Chi tiết từng bước thực hiện theo Sơ đồ Chu trình)

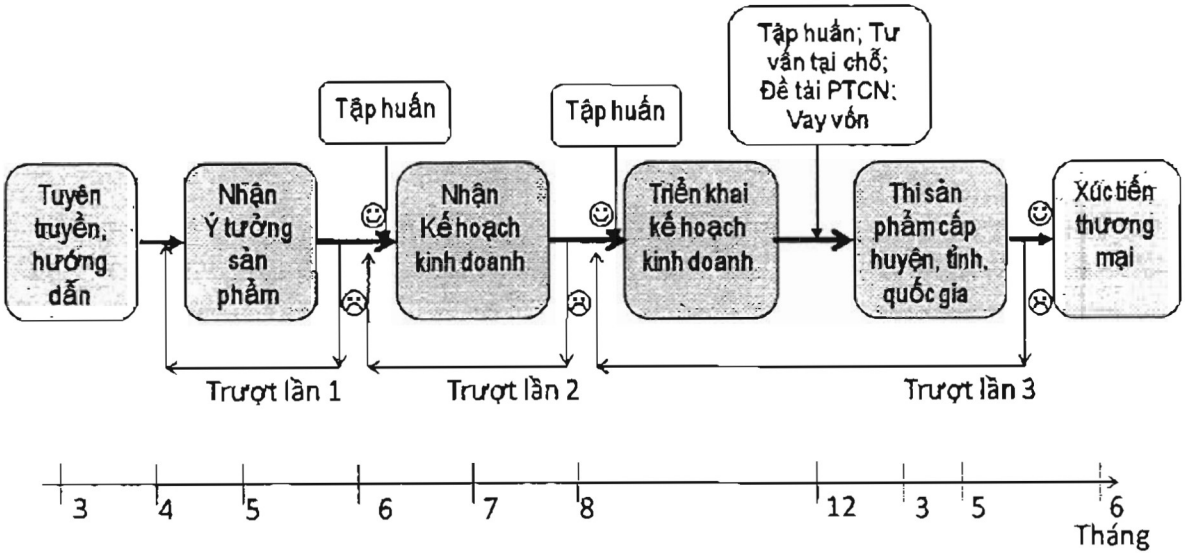

Chu trình OCOP được thực hiện theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm" (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng của hộ sản xuất, của SMEs, HTX). Trong đó, quan trọng là bước thi đánh giá chất lượng sản phẩm.

II. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ OCOP THEO 06 NHÓM

1. Thực phẩm (Food):

Nông sản tươi sống (rau, quả tươi (rau, quả như xoài, dứa, bưởi, chuối, quả có múi,...); mật ong); sản phẩm thô và sơ chế (dùng để chế biến các sản phẩm như: cá đông lạnh, xúc xích, thịt hun khói,... như gạo, thịt tươi, thủy sản tươi); thực phẩm tiện lợi, gồm: đồ ăn nhanh, tương, tương ớt, nước mắm,..., chế biến từ rau, quả, chế biến từ thịt, trứng, sữa, chế biến từ thủy sản, chế biến từ gạo và ngũ cốc.

2. Đồ uống (Drink):

Gồm đồ uống có cồn (rượu ngâm ủ, rượu chưng cất, rượu vang, ...); đồ uống không cồn (nước trái cây, trà thảo dược, bột quả, bột gừng, trà, trà thảo dược, sữa đậu nành, sản phẩm lên men,...).

3. Thảo dược (Herbal):

Gồm các sản phẩm có thành phần từ thảo dược như thuốc YHCT, thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, mỹ phẩm từ thảo dược, chế phẩm xua đuổi/diệt trừ côn trùng,...

4. Vải và may mặc (Fabric):

Gồm các sản phẩm làm từ bông, sợi.

5. Lưu niệm - nội thất – trang trí (Derco):

Gồm các sản phẩm từ gỗ, sợi, mây tre, kim loại, gốm sứ, dệt may,... làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ dùng nhà bếp, đồ nội thất, trang trí các tòa nhà,...

6. Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng (Service):

Gồm các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch, giải trí, học tập, nghiên cứu,..

III. SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH OCOP

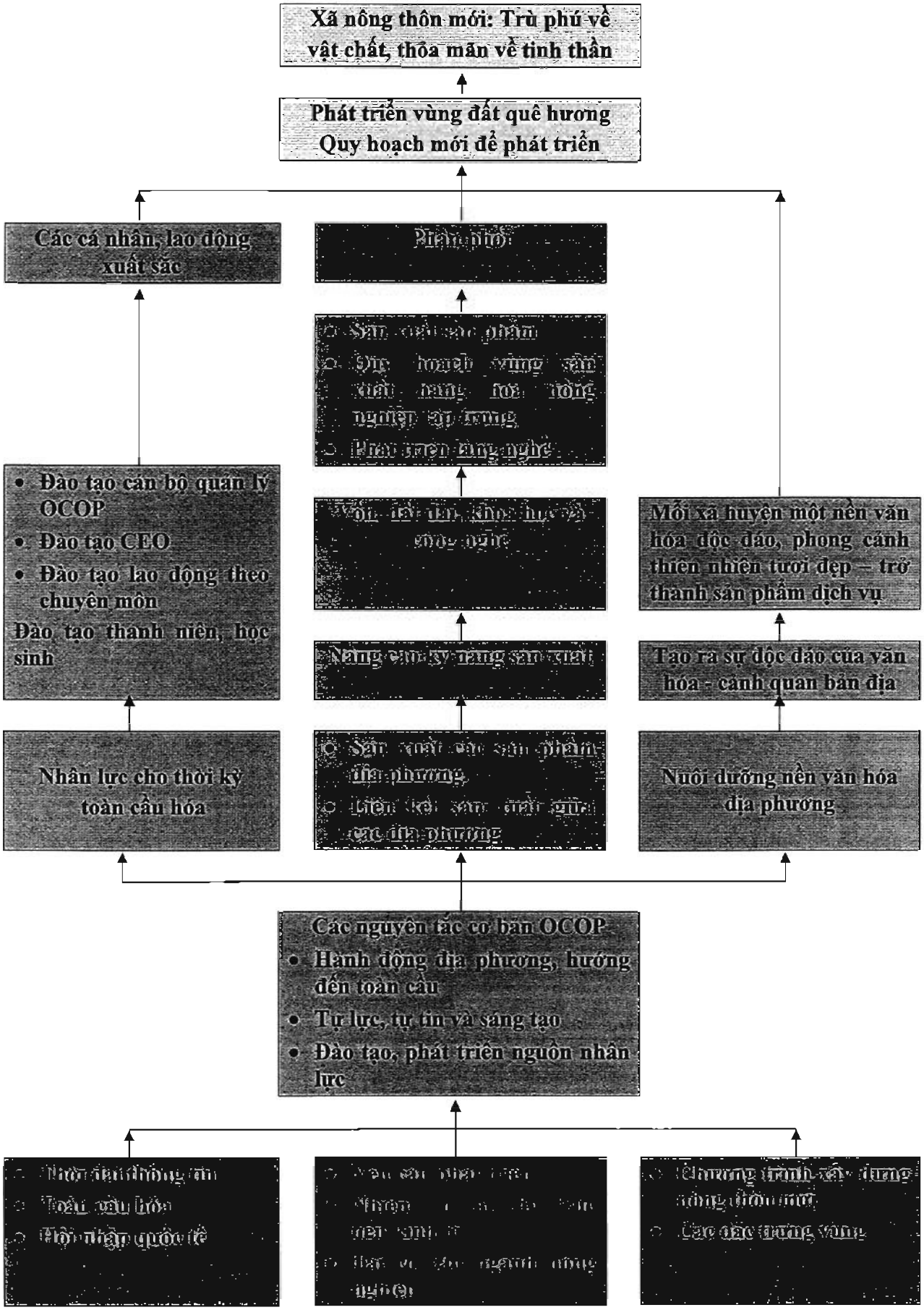

Sơ đồ Chương trình OCOP theo hướng phát triển nội sinh

IV. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, THỐNG KÊ, KIỂM SOÁT

1. Bộ Tiêu chí Đánh giá và xếp hạng sản phẩm

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia Chương trình OCOP (nhằm có dữ liệu phân loại cấp độ sản phẩm cấp tỉnh, cấp địa phương (huyện/xã)

3. Phần mềm quản lý sản phẩm, thông qua Hệ thống tem điện tử thông minh.

4. Hệ thống báo cáo theo Bộ chỉ số quốc gia OCOP

5. Công tác kiểm soát, thanh tra

V. CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

1. Công tác quảng cáo, quảng bá sản phẩm

2. Thương mại điện tử (E-commercial)

3. Tổ chức sự kiện hội chợ, triển lãm

4. Hệ thống bán lẻ: Trung tâm, điểm bán hàng; siêu thị, chợ truyền thống; Family shop

Trung tâm OCOP Quốc gia nằm ở các vùng kinh tế trọng điểm Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam (Hội An), Quảng Ninh (Hạ Long), Cần Thơ, Khánh Hòa (Nha Trang), Lào Cai (Sa Pa), Lâm Đồng (Đà Lạt).

VI. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC

1. Xây dựng Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn của Chương trình OCOP

- Tài liệu quản lý chương trình OCOP;
- Tài liệu quản lý sản xuất cho đối tượng SMEs, HTX.

2. Đối tượng đào tạo:

- Nhà quản lý, cán bộ vận hành Chương trình:
  + Đào tạo chuyên gia cấp Trung ương, cấp tỉnh (để đào tạo lại);
  + Đào tạo cán bộ quản lý cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, xã.
- Chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, cán bộ kinh doanh, kế toán SMEs, HTX;
- Lao động trực tiếp tại các SMEs, HTX.

VII. CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ xây dựng Bộ công cụ quản lý Chương trình: Tài liệu hướng dẫn triển khai, Bộ Tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm

2. Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình

3. Dự án xây dựng giáo trình đào tạo và thực hiện đào tạo cán bộ quản lý Chương trình, CEO cho các SMEs, Hợp tác xã

4. Đề án ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm

5. Đề án hợp tác quốc tế hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình

6. Đề án Chiến lược xúc tiến thương mại sản phẩm

7. Đề án Chiến lược truyền thông Chương trình

8. Dự án thành phần về vùng sản xuất, dịch vụ nông thôn, trung tâm OCOP quốc gia tại các tỉnh, thành phố trọng điểm

Phần thứ năm
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NHẬN THỨC

- Xác định đây là nhiệm vụ và giải pháp quan trọng trong triển khai thực hiện Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm. Các cấp ủy, chính quyền phải quán triệt sâu sắc về tầm quan trọng và ý nghĩa của Chương trình, được thể hiện bằng ý chí và hành động thông qua việc đưa Chương trình OCOP vào Nghị quyết hành động của cấp ủy; kế hoạch, chương trình công tác chỉ đạo trọng tâm của chính quyền địa phương để triển khai thực hiện lâu dài và thường xuyên.

- Triển khai quán triệt sâu sắc đến cấp ủy cơ sở, đến Ban phát triển thôn, Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã về Chương trình.

- Xây dựng chiến lược truyền thông toàn diện để thực hiện Chương trình.

- Thực hiện tuyên truyền thông qua hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền trực quan bằng hình ảnh, khẩu hiệu cụ thể để thực hiện chương trình [3] thường xuyên và liên tục.

II. XÂY DỰNG TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Thực hiện theo 4 cấp: Trung ương – Tỉnh – Huyện – Xã, bao gồm:

- Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG đến cấp tỉnh, huyện, xã.

- Cơ quan thường trực Chương trình ở Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.

+ Cơ quan phối hợp ở Bộ Nông nghiệp và PTNT: Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản.

- Các Bộ phối hợp thực hiện:

+ Bộ Công thương: Cục Công nghiệp địa phương, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Quản lý thị trường.

+ Bộ Khoa học Công nghệ: Cục Sở hữu trí tuệ, Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế

+ Bộ Y tế: Cục Quản lý Dược, Cục ATTP, Cục Y dược cổ truyền

+ Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch: Tổng Cục du lịch

[3] Tại Trụ sở chính quyền và khu vực trung tâm cấp huyện, xã đều có hình ảnh, sản phẩm của địa phương

+ Bộ Lao động-TBXH: Tổng Cục dạy nghề

+ Bộ Giao thông vận tải: Tổng Công ty hàng không (VNAirline, VietJet)

- **Cơ quan thường trực ở cấp tỉnh:** Sở Nông nghiệp và PTNT, hoặc Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh.

+ Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách cấp tỉnh: Chi cục Phát triển nông thôn/hoặc Phòng Nghiệp vụ OCOP.

- **Cơ quan thường trực ở cấp huyện:** Phòng Nông nghiệp và PTNT, hoặc Phòng kinh tế.

- **Thường trực ở cấp xã:** Công chức chuyên trách về nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

* **Các cấp thành lập Hội đồng** đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP tại mỗi kỳ đánh giá thường niên.

III. XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH OCOP

1. Hệ thống tư vấn hỗ trợ

- Tư vấn phát triển SMEs, HTX (tuyên truyền, vận động, hình thành, cơ cấu tổ chức, thiết kế, các quy chế, phương án SXKD...)

- Tư vấn tài chính (nhu cầu vốn, nguồn vốn, phương pháp tiếp cận, quản lý tài chính vi mô,...)

- Tư vấn phát triển sản phẩm (nhu cầu thị trường, thiết kế sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn,...)

- Tư vấn quản trị doanh nghiệp (SMEs, HTX) (sản xuất, nhân lực, R&D, chất lượng, marketing và bán hàng, các kỹ năng,...)

- Tư vấn kỹ thuật/công nghệ

2. Hệ thống đối tác OCOP

- Các doanh nghiệp tham gia kéo dài chuỗi sản xuất: Cung ứng dịch vụ/vật tư đầu vào, nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, dịch vụ hỗ trợ (thiết kế bao bì, nhãn mác, đăng ký/công bố sản phẩm, tư vấn luật, quản lý sản xuất bằng Hệ thống Tem điện tử thông minh SmartLife,...), chế biến nông lâm sản, các nhà bán lẻ, các nhà đầu tư hệ thống trung tâm OCOP.

- Các viện, trường đại học, nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của OCOP.

- Các tổ chức/doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, Đài phát thanh, truyền hình.

- Các ngân hàng, các quỹ đầu tư.

- Các tổ chức quốc tế, tập trung vào tổ chức JICA (Nhật Bản), Tổ chức Công nghiệp liên hợp quốc (UNIDO), Tổ chức Nông lương liên hợp quốc (FAO), WB, IPAS, KOIKA,...

- Đặc biệt, xây dựng mạng xã hội OCOP trên FaceBook, Intasgram

- Các nhà báo

3. Hệ thống sản xuất

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác
- Các hộ sản xuất (có đăng ký kinh doanh)

IV. CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Chính sách hỗ trợ tín dụng

2. Chính sách hỗ trợ vùng sản xuất tập trung: Hạ tầng, giống,.

3. Chính sách hỗ trợ KHCN: Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao

4. Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm: Nghiên cứu, thiết kế, tiêu chuẩn hoá sản phẩm

5. Chính sách đào tạo nhân lực: CEO các SMEs, HTX/Cải tiến đào tạo

6. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại:

- Xúc tiến thương mại, quảng cáo
- Đầu tư hệ thống trung tâm, điểm bán hàng OCOP (miễn thuê đất, hỗ trợ kinh phí trực tiếp, hệ thống thiết bị),...

Tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, tập trung hỗ trợ phát triển phát triển sản phẩm và hỗ trợ phát triển SMEs, HTX, THT,.

V. TÀI CHÍNH THỰC HIỆN

1. Tín dụng ngân hàng, tín dụng cộng đồng

2. Huy động nguồn lực tài chính từ các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ

Giao Bộ Nông nghiệp và PTNT hợp tác với một số ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ tham gia cam kết hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Ngân sách nhà nước

- Nguồn ngân sách hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới:

+ Giai đoạn 2017 – 2020: Cân đối trong nguồn vốn trung hạn (2016 – 2020) của Quốc hội, Chính phủ đã cân đối bố trí cho thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

+ Điều chỉnh cơ cấu bố trí hỗ trợ sản xuất để triển khai Chương trình, trong đó bố trí "cứng" tỷ lệ vốn dành cho thực hiện Chương trình OCOP.

- Nguồn vốn ngân sách lồng ghép từ phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, các nguồn vốn ngân sách lồng ghép khác.
- Nguồn vốn ngân sách địa phương.

VI. GIẢI PHÁP VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Phần thứ sáu
TỔ CHỨC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

I. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Xây dựng Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm (thời gian từ 5 – 6 tháng, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 9/2017)

a. Thành lập Ban soạn thảo xây dựng Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm trong tháng 4/2017

b. Xây dựng Đề cương Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm, xong trong tháng 5/2017

c. Tổ chức điều tra, khảo sát tại các địa phương [4]

d. Hội thảo lấy ý kiến bộ, ngành, địa phương

e. Tham vấn quốc tế, đi Thái Lan làm việc tìm hiểu, học tập Chương trình OTOP và tham vấn về Chương trình đối với tổ chức JICA, đi công tác nghiên cứu Phong trào OVOP Nhật Bản.

g. Xác định nguồn lực thực hiện

h. Dự thảo cơ chế, chính sách thực hiện *(sớm đề xuất ban hành Nghị định của Chính phủ (Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2006 để khi triển khai Chương trình thực hiện được ngay)*

i. Hoàn thiện Chương trình trình Chính phủ phê duyệt: tháng 9 - 10/2017

k. Xây dựng lộ trình và chủ đề, kế hoạch hàng năm để thực hiện

2. Tổ chức thực hiện Chương trình

a. Tổ chức hội nghị quán triệt các cấp, đặc biệt tập trung quán triệt sâu rộng ở cấp huyện, cấp xã.

b. Lựa chọn tỉnh, thành phố chỉ đạo điểm theo vùng kinh tế, là những tỉnh, thành có điều kiện đa dạng về sản phẩm, dịch vụ du lịch phát triển, và là tỉnh còn khó khăn, nhiều xã trong diện xã đặc biệt khó khăn.

Lựa chọn 09 tỉnh thành đại diện cho các vùng kinh tế chỉ đạo điểm , bao gồm: Hà Giang (Miền núi phía Bắc), Hà Nội, Quảng Ninh, Thái Bình (Đồng bằng sông Hồng), Thanh Hóa, Quảng Nam (Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ), Lâm Đồng (Tây nguyên), Cần Thơ, Bến Tre (Đồng bằng sông Cửu Long).

Trong khi chờ xây dựng Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm, các tỉnh thành phố tham khảo Tài liệu hướng dẫn, quy trình triển khai Chương trình OCOP Quảng Ninh để để triển khai ngay trong quý II - III/2017.

---

[4] Khảo sát đánh giá nhằm: (1) Đánh động, tác động đến nhận thức xã hội, các cấp lãnh đạo địa phương; (2) Xây dựng Hệ thống CSDL, nhằm (i) Số, chủng loại sản phẩm, (ii) DN, HTX, THT, cơ sở sản xuất, (iii) Qh sử dụng đất, diện tích sử dụng, canh tác, (iv) Nguồn lực hiện có, (v) Dự báo, dự kiến kế hoạch, mục tiêu của địa phương, trên cơ sở đó xây dựng được mục tiêu cụ thể của Quốc gia

c. Tổ chức triển khai ở cấp Trung ương, cấp tỉnh:

- Xây dựng Bộ Tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP quốc gia;

- Tập huấn, đào tạo chuyên gia cấp Trung ương, cấp tỉnh.

d. Tổ chức triển khai ở địa phương (tỉnh, huyện, xã)

Mỗi cấp cần lựa chọn, xây dựng nhóm cán bộ quản lý chương trình OCOP (mang tính chuyên gia) am hiểu sâu sắc các nhiệm vụ của OCOP để tham mưu, triển khai thực hiện và tư vấn hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở, cho SMEs, HTX,.

e. Chỉ đạo đánh giá sản phẩm cấp địa phương (huyện, tỉnh)

g. Tổ chức đánh giá, thi sản phẩm cấp khu vực, cấp Trung ương gắn liền với tổ chức Hội chợ - Triển lãm OCOP Quốc gia (dự kiến tháng 9 - 10/2018)

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Các cơ quan ở Trung ương

- Xây dựng Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm, giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030, và chỉ đạo các tỉnh, thành phố xây dựng Chương trình OCOP thực hiện ở địa phương;

- Xây dựng Chu trình OCOP chuẩn thực hiện;

- Xây dựng Bộ Tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý, giám sát Chương trình;

- Xây dựng Bộ Tài liệu đào tạo CEO và đào tạo lao động cho các tỉnh;

- Thực hiện đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, vận hành Chương trình OCOP ở cấp Trung ương, cấp tỉnh;

- Tổ chức các kỳ đánh giá cấp quốc gia gắn với tổ chức hội chợ toàn quốc hoặc khu vực để lựa chọn sản phẩm OCOP cấp quốc gia, cấp vùng (khu vực);

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy OCOP phát triển;

- Bố trí, phân bổ, huy động nguồn lực hỗ trợ thực hiện Chương trình

- Tổ chức chỉ đạo điểm và tổng kết rút kinh nghiệm.

2. Cấp tỉnh, huyện

- Triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia OCOP tại địa phương;

- Xây dựng Chương trình Mỗi xã một sản phẩm của tỉnh, thành phố

- Bố trí tổ chức bộ máy quản lý, vận hành, tham mưu triển khai Chương trình quốc gia OCOP tại địa phương;

- Tổ chức điều tra, đánh giá (theo chuỗi giá trị) các sản phẩm lợi thế trên địa bàn;

- Ban hành các cơ chế, chính sách của địa phương để triển khai thực hiện Chương trình quốc gia OCOP tại địa phương;

- Tư vấn, hỗ trợ và thực hiện các thủ tục hành chính hiệu quả hỗ trợ thành lập SMEs, HTX và phê duyệt các dự án thực hiện có nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, cũng như thực hiện nhanh, gọn các thủ tục hỗ trợ nguồn lực của nhà nước đối với SMEs, HTX;

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ quản lý, cho giám đốc, cán bộ kinh doanh, kế toán, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Tổ chức các kỳ đánh giá sản phẩm và hội chợ OCOP thường niên;

- Quy hoạch quỹ đất đầu tư xây dựng Trung tâm, điểm bán hàng OCOP;

- Xây dựng quỹ phát triển Chương trình OCOP.

3. Cấp xã

- Tuyên truyền sâu rộng, phát động nhân dân thi đua và đăng ký phát triển sản phẩm, phát triển SMEs, HTX;

- Triển khai thực hiện Chu trình OCOP;

- Thực hiện quy hoạch và triển khai kế hoạch sử dụng đất hiệu quả đối với việc phát triển vùng, quy hoạch sản xuất sản phẩm tập trung;

- Triển khai nhanh chóng các thủ tục hỗ trợ của nhà nước đối với SMEs, HTX;

- Tạo môi trường, an ninh tốt để phát triển;

- Xây dựng quỹ và quản lý quỹ OCOP xã.

Phần thứ bảy
HIỆU QUẢ, Ý NGHĨA TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM

I. HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ

- Là giải pháp thiết thực, hiệu quả cơ cấu lại và phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp, phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn và đô thị.

- Xác định được và có chiến lược, kế hoạch phát triển 03 cấp độ sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp địa phương (huyện/xã).

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất và quản lý, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao.

II. HIỆU QUẢ VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

- Tạo ra nhiều công ăn việc làm khu vực nông thôn (gốc để giải quyết các mâu thuẫn xã hội).

- Tạo ra nhiều sản phẩm đặc trưng đậm nét văn hóa vùng, miền (góp phần phục hồi và phát triển một số sản phẩm truyền thống đang bị mai một), khơi dậy niềm tự hào của người dân mỗi vùng quê, giúp họ tự tin, sáng tạo, yêu quê hương.

- Tạo ra sự quyến rũ của khu vực nông thôn, thu hút lao động và nguồn vốn đầu tư về khu vực này (hạn chế dòng người nông thôn kéo ra đô thị), giúp cho xây dựng NTM bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.

III. Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA OCOP

Góp phần quảng bá, nâng tầm hình ảnh của Việt Nam nói chung, của người nông dân nói riêng trong phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện giảm nghèo bền vững.

BIỂU 1: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SẢN PHẨM

(Kèm theo Quyết định số: 2277/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên sản phẩm	Tên chủ thể sản xuất	Địa chỉ chủ thể sản xuất	Đã có Công bố chất lượng	Đã có đăng ký SHTT	Số lượng sản xuất				Doanh thu (triệu đồng)		
						Đơn vị	2014	2015	2016	2014	2015	2016
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Thực phẩm											
1												
II	Đồ uống											
1												
III	Thảo dược											
1												
IV	Vải và may mặc											
1												
V	Lưu niệm - nội thất - trang trí											
1												
VI	Dịch vụ du lịch											

TT	Tên sản phẩm	Tên chủ thể sản xuất	Địa chỉ chủ thể sản xuất	Đã có Công bố chất lượng	Đã có đăng ký SHTT	Số lượng sản xuất				Doanh thu (triệu đồng)		
						Đơn vị	2014	2015	2016	2014	2015	2016
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	nông thôn											
1												

GHI CHÚ:

Sản phẩm OCOP là: - Sản phẩm đã và đang được sản xuất tại xã, phường, thị trấn (bao gồm cả làng nghề). Sử dụng lao động và nguyên liệu chủ yếu tại địa phương

- Đã và đang là sản phẩm có tiếng của địa phương, được bán rộng rãi trong khu vực, trong nước hoặc xuất khẩu với khối lượng tương đối ổn định.

- Được sản xuất bởi hộ gia đình, tổ hợp tác hoặc liên gia, HTX, Doanh nghiệp hoặc liên doanh

Cột 1: Ghi tên nhãn hiệu của sản phẩm theo nhóm (6 nhóm)

Cột 2: Chỉ ghi tên người đại diện theo pháp luật (nếu đã đã đăng ký kinh doanh)

Cột 3: Ghi rõ địa chỉ: Thôn, xã (phường/thị trấn), huyện (thị/thành phố), tỉnh; địa chỉ email, số điện thoại

Cột 4: Ghi mã hiệu bản công bố chất lượng sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp

Cột 5: Ghi ngày, tháng năm, số hiệu bản chứng nhận sở hữu trí tuệ

Cột 6: Ghi đơn vị tính (ví dụ: Tấn, kg, lít, chai, hộp,...) tương ứng sản phẩm

BIỂU 2: THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ, VỐN, LAO ĐỘNG CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA SẢN PHẨM OCOP 2016

(Kèm theo Quyết định số: 2277 /QĐ-BNN-VPĐP ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên chủ thể sản xuất	Thuộc loại hình tổ chức sản xuất	Doanh thu ba năm liền trước (triệu đồng)	Trình độ công nghệ			Vốn sử dụng (triệu đồng)				Lao động sử dụng (người)					Năng suất lao động bình quân	Thu nhập bình quân của lao động
				Tự động	Cơ khí	Thủ công	Tổng vốn	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
								Tự có	Vay	Ngân sách		Nghệ nhân	ĐH và CĐ	Có chứng chỉ nghề	Lao động phổ thông		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

GHI CHÚ:

- Biểu này chủ yếu sử dụng cho làm việc với các chủ thể sản xuất OCOP: Hộ tư nhân, tổ hợp tác hoặc liên gia, HTX, Doanh nghiệp, liên doanh

- Mục tiêu là nắm được thực trạng trình độ công nghệ, vốn, lao động, của các chủ thể OCOP qua đó có cơ sở đề xuất chính sách, giải pháp thiết thực với 3 vấn đề trụ cột này nhằm đẩy mạnh OCOP, nâng cao hiệu quả và tính bền vững

Hướng dẫn ghi biểu:

Cột 1: Ghi tương ứng chủ thể sản xuất theo loại hình: Hộ tư nhân, tổ hợp tác hoặc liên gia, HTX, Doanh nghiệp, liên doanh

Cột 2: Ghi tên chủ thể có tham gia tạo ra sản phẩm cùng loại (đạt tiêu chí sản phẩm chủ lực)

Cột 3: Ghi doanh thu 3 năm liền của 2014, 2015, 2016

Cột 4: Nếu 80% các khâu công việc được tự động hóa thì ghi: Tự động hóa

Cột 5: Nếu 80% các khâu công việc được cơ khí hóa thì ghi: Cơ khí hóa

Cột 6: Nếu 80% các khâu công việc làm thủ công thì ghi: Thủ công

Cột 10: Chỉ ghi vốn ngân sách được cấp quy ra tiền (kể cả đất và tài sản khác)

Cột 11, 12, 13, 14, 15: Chỉ ghi người có hợp đồng với đơn vị và làm việc thường xuyên (cả năm hoặc theo mùa vụ)

Cột 16: Tính bằng: Lấy cột 3 chia cho cột 11 (nhưng cột 11 phải tính số lao động thường xuyên bình quan 3 năm 2014, 2015, 2016)

Cột 17: Thu nhập bao gồm: Lương, thưởng và phụ cấp khác

BIỂU3: DỰ KIẾN QUY HOẠCH SẢN PHẨM OCOP MỚI 2018-2030
CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW

(Kèm theo Quyết định số: 2277 /QĐ-BNN-VPĐP ngày 05 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên sản phẩm	Trong đó sản phẩm chủ lực	Địa chỉ quy hoạch sản xuất	Dự kiến giá trị hàng hóa (triệu đồng)			Thị trường tiêu thụ chủ yếu
				2020	2025	2030	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	**Thực phẩm**						
1							
II	**Đồ uống**						
1							
III	**Thảo dược**						
1							
IV	**Vải và may mặc**						
1							

TT	Tên sản phẩm	Trong đó sản phẩm chủ lực	Địa chỉ quy hoạch sản xuất	Dự kiến giá trị hàng hóa (triệu đồng)			Thị trường tiêu thụ chủ yếu
				2020	2025	2030	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
V	**Lưu niệm - nội thất - trang trí**						
1							
VI	**Dịch vụ du lịch nông thôn**						
1							

GHI CHÚ:

- Biểu này chủ yếu dùng cho làm việc với lãnh đạo các địa phương và cơ quan chuyên môn

- Mục tiêu là xác định hướng phát triển các sản phẩm OCOP mới dựa vào lợi thế đặc hữu của địa phương. Trong đó, xác định loại sản phẩm chủ lực. Từ đó sẽ lập bản đồ quy hoạch quốc gia các sản phẩm OCOP đến 2030 và các năm sau.

BIỂU 4: DANH MỤC SẢN PHẨM OCOP CHỦ LỰC CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ

(Chỉ tính loại sản phẩm có doanh thu 30 tỷ/năm)

Kèm theo Quyết định số: 2277 /QĐ-BNN-VPĐP ngày 05 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên sản phẩm	Tên chủ thể sản xuất	Địa chỉ chủ thể sản xuất	Giá trị sản lượng hàng hóa (triệu đồng)			Thị trường tiêu thụ chủ yếu
				2014	2015	2016	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Thực phẩm						
1							
II	Đồ uống						
1							
III	Thảo dược						
1							
IV	Vải và may mặc						
1							

TT	Tên sản phẩm	Tên chủ thể sản xuất	Địa chỉ chủ thể sản xuất	Giá trị sản lượng hàng hóa (triệu đồng)			Thị trường tiêu thụ chủ yếu
				2014	2015	2016	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
V	**Lưu niệm - nội thất - trang trí**						
1							
VI	**Dịch vụ du lịch nông thôn**						
1							

GHI CHÚ:

- Biểu này chủ yếu sử dụng cho làm việc với lãnh đạo các địa phương và cơ quan chuyên môn
- Mục tiêu là xác định loại sản phẩm đặc hữu, lợi thế của tỉnh, thành phố (với tiêu chí đạt giá trị hàng hóa 30 tỷ/năm và loại sản phẩm này có bao nhiêu đơn vị tham gia, địa chỉ cụ thể)

Cột 1: Ghi tên loại sản phẩm đạt tiêu chí chủ lực thuộc nhóm nào

Cột 2: Ghi tên chủ thể có tham gia tạo ra sản phẩm cùng loại (đạt tiêu chí sản phẩm chủ lực)

Cột 3: Ghi rõ địa chỉ các chủ thể cùng tham gia

Cột 7: Ghi thị trường tiêu thụ chủ yếu cả trong nước và xuất khẩu

BIỂU 5: ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN XUẤT SẢN PHẨM OCOP 2016

Kèm theo Quyết định số: 2277 /QĐ-BNN-VPĐP ngày 05 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Đánh giá của các chủ thể sản xuất và chuyên gia						Ghi chú
		Chủ hộ gia đình	Đại diện tổ hợp tác	Giám đốc HTX	Giám đốc doanh nghiệp	Lãnh đạo địa phương	Chuyên gia	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Công nghệ							
2	Trình độ lao động							
3	Vốn							
4	Tổ chức sản xuất							
5	Môi trường							
6	Hạ tầng kinh tế - xã hội							
7	Du lịch							

GHI CHÚ:

- Biểu này chủ yếu dùng cho cán bộ khảo sát khi làm việc với các đối tác (cột 2-7)

- Dùng cho tổng hợp: Tập hợp các ý kiến của các đối tác, phân loại mức độ quan trọng theo từng yếu tố từ đó có căn cứ đề xuất giải pháp, chính sách phù hợp cho OCOP

+ Với cán bộ khảo sát: Cột các yếu tố chỉ là gợi ý, cán bộ cần hỏi và ghi đầy đủ ý kiến cụ thể của từng đối tác (thay phiếu điều tra)

+ Với cán bộ tổng hợp: Tổng hợp và ghi tổng số các đối tác được hỏi, tỷ lệ đồng ý, không đồng ý đối với từng yếu tố qua đó sẽ phản ánh nhu cầu và mức độ quan trọng của từng yếu tố tác động đến OCOP.

BIỂU 6: ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHO PHÁT TRIỂN OCOP

Kèm theo Quyết định số: 2277 /QĐ-BNN-VPĐP ngày 05 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Chính sách, giải pháp chủ yếu	Đánh giá của các chủ thể sản xuất và chuyên gia						Ghi chú
		Chủ hộ gia đình	Đại diện tổ hợp tác	Giám đốc HTX	Giám đốc doanh nghiệp	Lãnh đạo địa phương	Chuyên gia	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đất đai							
2	Vốn							
3	Lao động							
4	Khoa học công nghệ (chuyển giao, ứng dụng,...)							
5	Xúc tiến thương mại							
6	Phát triển hạ tầng							
7	Phát triển du lịch							

GHI CHÚ:

- Biểu này chủ yếu dùng cho cán bộ khảo sát khi làm việc với các đối tác và dùng cho cán bộ tổng hợp

- Mục đích: Nắm được đề xuất chính sách, giải pháp từ các đối tác thực tiếp sản xuất, lãnh đạo các địa phương và chuyên gia từ đó có căn cứ thực tế đề xuất chính sách, giải pháp phù hợp cho OCOP

Hướng dẫn ghi biểu:

Với cán bộ khảo sát (là gợi ý, thay phiếu điều tra) cần hỏi sâu và ghi chép đầy đủ ý kiến của các đối tác, sau đó cần lập biểu tổng hợp tóm tắt các ý kiến theo từng vấn đề.